

Số: /BC-SNN

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả tiêm phòng vaccine Lở mồm long móng trâu, bò đợt I/2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 11/3/2022 về Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, chỉ đạo tổ chức tiêm phòng vaccine Lở mồm long móng (LMLM) trâu, bò từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/4/2022. Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng, phối hợp các địa phương và chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nhân sự, vật tư, vaccine để triển khai công tác tiêm phòng vaccine LMLM trâu, bò đợt I/2022. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả công tác tổ chức triển khai như sau:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 11/3/2022 về Phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SNN ngày 01/3/2022 về tiêm phòng vaccine phòng bệnh gia súc, gia cầm năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, đã phát hành nhiều văn bản đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường, kiểm tra, đôn đốc công tác tiêm phòng¹.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai công tác tiêm phòng vaccine phòng bệnh vật nuôi đợt I/2022 thuộc địa bàn quản lý và kiểm tra, đôn đốc công tác tiêm phòng.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

+ Cung ứng kịp thời vaccine theo tiến độ của từng huyện, thị xã, thành phố không để thiếu vaccine ảnh hưởng tiến độ tiêm phòng.

+ Hàng tuần đều triển khai họp tổ phòng, chống dịch để kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình chăn nuôi, diễn biến dịch bệnh cũng như công tác tiêm phòng để có biện pháp xử lý kịp thời.

¹ Văn bản số 565/SNN-KHTH ngày 15/03/2022 về việc tổ chức triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường, phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 916/SNN-KHTH ngày 25/4/2022 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh;

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh động vật; nhất là chú trọng các đợt tiêm phòng định kỳ chính trong năm.

- Sự quan tâm của các cấp chính quyền ở địa phương, cùng với sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn từ tỉnh đến địa phương để tổ chức triển khai công tác tiêm phòng vaccine LMLM cho gia súc đạt hiệu quả cao như các địa phương: Phù Mỹ, Phù Cát, Vân Canh, Hoài Ân.

- Chi cục Chăn nuôi và thú y đã chuẩn bị đầy đủ nguồn vaccine và cung ứng kịp thời cho các địa phương, phục vụ tốt công tác tiêm phòng. Chủ động phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định thực hiện các tọa đàm, phóng sự triển khai công tác tiêm phòng vaccine gia súc, gia cầm. Hướng dẫn người chăn nuôi chủ động thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, biện pháp ngăn chặn côn trùng, vệ sinh tiêu độc sát trùng chuồng nuôi, tự giác chấp hành để giữ trâu, bò tại chuồng và phối hợp với cán bộ thú y trong việc tiêm chủng gia súc khi tiêm phòng vaccine phòng bệnh động vật. Chủ động phân công lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật đứng chân địa bàn tăng cường nắm tình hình và kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương trong công tác quản lý chăn nuôi, tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh,...

2.2. Khó khăn

- Thời tiết từ đầu năm đến nay diễn biến thất thường, xảy ra nhiều đợt mưa lớn kéo dài gây khó khăn cho lực lượng thú y trong quá trình tiêm phòng. Thời điểm đang triển khai tiêm phòng, xảy ra mưa lớn, gây ngập lúa, màu, người dân phải tập trung thu hoạch lúa sớm hơn cũng ảnh hưởng đến kết quả tiêm phòng.

- Lực lượng thú y cấp huyện ở một số địa phương còn mỏng. Năng lực của một số Trưởng ban Chăn nuôi Thú y cấp xã còn hạn chế, làm việc kiêm nhiệm. Lực lượng thú y cơ sở, nhất là thú y thôn giảm hoặc không có thú y thôn tham gia tiêm phòng do mức phụ cấp thấp cũng ảnh hưởng rất lớn đến thời gian tiêm phòng, cụ thể như xã Hoài Thanh (Hoài Nhơn), Nhơn Tân (An Nhơn).

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác tiêm phòng, chưa kịp thời đôn đốc động viên, hỗ trợ cho lực lượng thú y trong quá trình tiêm phòng. Bên cạnh đó, vẫn còn một số người chăn nuôi với những lý do chủ quan (bò đau, bò chữa) không chấp hành tiêm phòng, trong khi đó, UBND các xã chưa có biện pháp chỉ đạo xử lý kiên quyết và thú y cơ sở chưa mạnh dạn tham mưu, đề xuất cũng như còn thiếu kinh nghiệm chuyên môn và thực tế.

3. Kết quả tiêm phòng

Kết quả tiêm phòng vaccine LMLM trâu, bò đợt I/2022, toàn tỉnh tiêm được 250.415 con trâu, bò đạt tỷ lệ 87,5% diện tiêm (so với số thống kê đạt tỷ lệ 80,1%).

Số lượng trâu, bò được tiêm phòng vaccine LMLM đợt I/2022 cao hơn so với năm 2021 cả về 2 đợt (đợt I/2021 tiêm được 248.358 con, đợt II/2021 tiêm

được 246.086 con). Không có huyện, thị xã, thành phố dưới 80,1% tổng đàn diện tiêm; trong đó, tỷ lệ tiêm phòng cao nhất là huyện Phù Cát đạt tỷ lệ 93,2%, tiếp đến là Vân Canh (91%), Tuy Phước (90,2%), Quy Nhơn (89%), Hoài Ân (88,4%), An Lão (87,4%), An Nhơn (87,3%), Hoài Nhơn (86,7%), Phù Mỹ (86,3%), Vĩnh Thạnh (84,6%) và Tây Sơn (82,4%) (*Gửi kèm Phụ lục 1*).

Tỷ lệ tiêm phòng tính theo cấp xã; trong số 145 xã, phường, thị trấn có chăn nuôi đã triển khai tiêm phòng vaccine LMLM trâu, bò đợt I/2022; kết quả tiêm phòng hầu hết đều đạt trên 80%; chỉ có 03 xã, phường chưa đạt tỷ lệ từ 80% đó là phường Ghềnh Ráng (thành phố Quy Nhơn) đạt tỷ lệ 52,1%, xã An Dũng (huyện An Lão) đạt tỷ lệ 68,5% và xã Ân Sơn (huyện Hoài Ân) đạt tỷ lệ 79%. Tuy nhiên, 03 xã, phường này số lượng trâu, bò ít, dưới 500 con trâu, bò (trong đó Ghềnh Ráng chỉ có 96 con) (*Gửi kèm Phụ lục 2*).

4. Công tác khác

4.1. Công tác kiểm tra tiêm phòng

- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp kiểm tra công tác tiêm phòng tại các địa phương có tỷ lệ tiêm phòng thấp trong năm 2021 và các xã miền Núi có điều kiện đi lại khó khăn để đôn đốc và tháo gỡ khó khăn. Nhờ đó, kết quả tiêm phòng các địa phương này đã hoàn thành và đạt tỷ lệ cao hơn năm 2021 trong điều kiện tình hình dịch dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và tình hình thời tiết có nhiều yếu tố bất lợi.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thành lập Tổ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Bình Định; phân công trách nhiệm cho từng thành viên đứng chân địa bàn, thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình chăn nuôi, dịch bệnh và tiến độ tiêm phòng; kiểm tra hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm phòng, xử lý phản ứng vaccine. Đồng thời, nắm bắt những khó khăn vướng mắc trong công tác tổ chức thực hiện, báo cáo Sở để phối hợp UBND các huyện tháo gỡ, xử lý kịp thời.

4.2. Công tác tiêu độc sát trùng

- Công tác tiêu độc sát trùng chuồng nuôi, khu vực xung quanh và môi trường luôn được duy trì thường xuyên, nhằm góp phần tiêu diệt mầm bệnh. Hướng ứng chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phát động tháng ra quân vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi. Đồng thời, cấp phát 8.520 lít thuốc sát trùng Benkocide cho các địa phương; người chăn nuôi mua thuốc sát trùng, phục vụ công tác tiêu độc sát trùng khu vực chuồng trại và môi trường chăn nuôi.

- Kết quả: Từ đầu năm đến nay, tổng diện tích phun thuốc tiêu độc sát trùng môi trường trên toàn tỉnh là: **17.033.746 m²**

4.3. Công tác tuyên truyền

- Phối hợp Đài PTTH Bình Định thực hiện 02 chuyên đề trong chuyên mục Nông nghiệp - Nông thôn xoay quanh chủ đề về công tác tiêm phòng vaccine phòng bệnh động vật, các quy định về phòng chống dịch bệnh và hướng dẫn kỹ

thuật... Phát 16 lượt tin về các nội dung liên quan tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật trên bản tin thời sự truyền hình, phát thanh và Báo Bình Định.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố xây dựng nội dung tuyên truyền đảm bảo nội dung phù hợp với từng thời điểm của tình hình dịch bệnh và gửi đến các Đài Truyền thanh địa phương, phục vụ tuyên truyền. Đồng thời cấp phát 3.600 tờ rơi về biện pháp phòng, chống bệnh LMLM, bệnh Dịch tả heo Châu Phi và 120 quyển sổ tay phòng, chống bệnh LMLM do Cục Thú y hỗ trợ được chuyển giao cho người chăn nuôi tham khảo, thực hiện.

Đánh giá chung: Kết quả tiêm phòng vaccine LMLM trâu, bò đợt I/2022 đạt cao hơn năm 2021 và hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao. Trước tiên là nhờ sự chỉ đạo kiên quyết của UBND tỉnh Bình Định; sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác tổ chức, triển khai, kiểm tra, giám sát tiêm phòng; sự chuẩn bị đầy đủ vật tư, vaccine và cung ứng kịp thời cho các địa phương. Lãnh đạo Sở đã đến tận các làng xa xôi của các xã miền Núi để kiểm tra, vận động người chăn nuôi đưa bò thả núi về tiêm phòng. Chủ động phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố tháo gỡ các khó khăn đối với các xã có tỷ lệ tiêm phòng thấp năm 2021. Góp phần đạt tỷ lệ tiêm phòng theo kế hoạch của UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Chi cục CNTY;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Văn Hùng

PHỤ LỤC 1:**KẾT QUẢ TIÊM PHÒNG VACCINE LMLM TRÂU BÒ ĐỢT I/2022
CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

TT	Địa phương	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
1	Quy Nhơn	3.803	3.386	89,0
2	Tuy Phước	14.874	13.415	90,2
3	An Nhơn	25.561	22.319	87,3
4	Phù Cát	46.699	43.541	93,2
5	Phù Mỹ	59.525	51.358	86,3
6	Hoài Nhơn	29.194	25.304	86,7
7	Hoài Ân	21.970	19.417	88,4
8	Tây Sơn	43.579	35.917	82,4
9	An Lão	10.421	9.106	87,4
10	Vân Canh	13.016	11.846	91,0
11	Vĩnh Thạnh	17.511	14.806	84,6
Tổng		286.153	250.415	87,5

PHỤ LỤC 2:
KẾT QUẢ TIÊM PHÒNG VẮC XIN LMLM ĐỢT 1/2022
(chi tiết đến cấp xã)

TT	Địa phương (cấp xã)	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
I	QUY NHƠN	3.803	3.386	89,0
1	Phước Mỹ	872	833	95,5
2	Bùi Thị Xuân	610	550	90,2
3	Trần Quang Diệu	720	580	80,6
4	Nhơn Phú	752	730	97,1
5	Nhơn Bình	615	525	85,4
6	Ghềnh Ráng	96	50	52,1
7	Nhơn Hội	130	118	90,8
8	Nhơn Hải	8		
II	TUY PHƯỚC	14.874	13.415	90,2
1	Phước Thành	1.476	1.381	93,6
2	Phước An	2.935	2.645	90,1
3	TT Diêu Trì	971	876	90,2
4	TTTuy Phước	405	363	89,6
5	Phước Nghĩa	450	417	92,7
6	Phước Thuận	879	785	89,3
7	Phước Sơn	1.644	1.412	85,9
8	Phước Hòa	753	694	92,2
9	Phước Thắng	892	819	91,8
10	Phước Quang	1.172	1.058	90,3
11	Phước Hưng	1.019	921	90,4
12	Phước Lộc	887	813	91,7
13	Phước Hiệp	1.391	1.231	88,5
III	AN NHƠN	25.561	22.319	87,3
1	Nhơn An	887	784	88,4
2	Nhơn Hạnh	909	798	87,8
3	Nhơn Hậu	1.432	1.233	86,1
4	Nhơn Khánh	2.759	2.387	86,5
5	Nhơn Lộc	3.328	2.916	87,6
6	Nhơn Mỹ	2.186	1.901	87,0
7	Nhơn Phong	499	447	89,6

TT	Địa phương (cấp xã)	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
8	Nhơn Phúc	2.396	2.112	88,1
9	Nhơn Tân	1.798	1.538	85,5
10	Nhơn Thọ	2.268	2.074	91,4
11	Nhơn Hòa	3.745	3.246	86,7
12	Nhơn Hưng	1.377	1.185	86,1
13	Nhơn Thành	1.303	1.118	85,8
14	Bình Định	337	292	86,6
15	Đập Đá	337	288	85,5
IV	PHÙ CÁT	46.699	43.541	93,2
1	Cát Chánh	403	388	96,3
2	Cát Hải	2.549	2.418	94,9
3	Cát Hanh	5.015	4.646	92,6
4	Cát Hiệp	4.404	4.074	92,5
5	Cát Hưng	1.860	1.747	93,9
6	Cát Khánh	2.242	2.040	91,0
7	Cát Lâm	2.900	2.637	90,9
8	Cát Minh	2.902	2.622	90,4
9	Cát Nhơn	1.885	1.752	92,9
10	Cát Sơn	2.520	2.328	92,4
11	Cát Tân	2.976	2.818	94,7
12	Cát Tài	4.299	4.147	96,5
13	Cát Tường	3.587	3.356	93,6
14	Cát Thành	2.233	2.020	90,5
15	Cát Thắng	590	536	90,8
16	Cát Tiến	539	487	90,4
17	Cát Trinh	4.498	4.346	96,6
18	TT Ngô Mỹ	1.297	1.179	90,9
V	PHÙ MỸ	59.525	51.358	86,3
1	Mỹ Cát	2.277	1.942	85,3
2	Mỹ Thọ	4.239	3.642	85,9
3	Mỹ Thắng	1.021	874	85,6
4	Mỹ An	1.432	1.244	86,9
5	Mỹ Chánh	2.707	2.354	87,0
6	Mỹ Thành	2.091	1.800	86,1

TT	Địa phương (cấp xã)	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
7	Mỹ Chánh tây	2.259	1.948	86,2
8	Mỹ Lợi	1.928	1.668	86,5
9	TT Bình Dương	483	435	90,1
10	Mỹ Trinh	4.606	3.973	86,3
11	Mỹ Đức	1.735	1.504	86,7
12	Mỹ Châu	5.081	4.366	85,9
13	Mỹ Hiệp	6.047	5.266	87,1
14	Mỹ Lộc	5.184	4.461	86,1
15	Mỹ Tài	5.982	5.155	86,2
16	Mỹ Phong	3.587	3.089	86,1
17	Mỹ Hòa	5.043	4.315	85,6
18	Mỹ Quang	2.140	1.844	86,2
19	TT Phù Mỹ	1.683	1.478	87,8
VI	HOÀI NHƠN	29.194	25.304	86,7
1	Hoài Sơn	5.017	4.175	83,2
2	Hoài Châu Bắc	2.605	2.239	86,0
3	Hoài Châu	1.627	1.458	89,6
4	Hoài Phú	2.955	2.532	85,7
5	Hoài Hảo	1.805	1.535	85,0
6	Tam Quan	567	512	90,3
7	Tam Quan Bắc	95	84	88,4
8	Tam Quan Nam	892	794	89,0
9	Hoài Thanh	1.750	1.465	83,7
10	Hoài Thanh Tây	2.341	1.982	84,7
11	Hoài Tân	2.230	2.055	92,2
12	Bồng Sơn	540	492	91,1
13	Hoài Đức	2.013	1.753	87,1
14	Hoài Xuân	1.316	1.163	88,4
15	Hoài Hương	532	470	88,3
16	Hoài Mỹ	2.857	2.548	89,2
17	Hoài Hải	52	47	90,4
VII	HOÀI AN	21.970	19.417	88,4
1	Ân Nghĩa	2.976	2.575	86,5
2	Ân Tường Tây	1.746	1.487	85,2

TT	Địa phương (cấp xã)	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
3	Ân Tường Đông	2.535	2.219	87,5
4	Ân Hữu	1.482	1.331	89,8
5	Ân Đức	1.650	1.464	88,7
6	Ân Phong	1.861	1.530	82,2
7	TT TBH	285	275	96,5
8	Ân Thạnh	1.294	1.244	96,1
9	Ân Tín	1.026	975	95,0
10	Ân Mỹ	1.184	1.117	94,3
11	Ân Hảo Đông	986	922	93,5
12	Ân Hảo Tây	1.106	955	86,3
13	Ân Sơn	482	381	79,0
14	ĐăkMang	1.683	1.482	88,1
15	BokTới	1.674	1.460	87,2
VIII	TÂY SƠN	43.579	35.917	82,4
1	Tây Vinh	2.247	1.824	81,2
2	Tây Bình	1.637	1.361	83,1
3	Tây An	1.896	1.552	81,9
4	Bình Hòa	2.548	2.092	82,1
5	Bình Tân	3.455	2.865	82,9
6	Bình Thuận	5.132	4.208	82,0
7	Bình Thành	3.890	3.222	82,8
8	Tây Phú	2.359	1.942	82,3
9	Bình Nghi	2.849	2.333	81,9
10	Tây Xuân	1.565	1.289	82,4
11	Bình Tường	3.882	3.205	82,6
12	Tây Giang	5.035	4.147	82,4
13	Tây Thuận	4.585	3.791	82,7
14	Vĩnh An	659	557	84,5
15	TT. Phú Phong	1.840	1.529	83,1
IX	AN LÃO	10.421	9.106	87,4
1	An Hòa	1.742	1.509	86,6
2	An Tân	1.429	1.266	88,6
3	TT. An Lão	906	825	91,1
4	An Hưng	1.115	986	88,4

TT	Địa phương (cấp xã)	Tổng đàn trâu bò diện tiêm (con)	Số lượng trâu bò tiêm được (con)	Tỷ lệ (%)
5	An Trung	1.491	1.334	89,5
6	An Dũng	425	291	68,5
7	An Vinh	776	676	87,1
8	An Quang	834	729	87,4
9	An Nghĩa	401	343	85,5
10	An Toàn	1.302	1.147	88,1
X	VÂN CANH	13.016	11.846	91,0
1	Canh Vinh	3.788	3.475	91,7
2	Canh Hiến	974	900	92,4
3	Canh Hiệp	1.205	1.117	92,7
4	TT Vân Canh	1.570	1.445	92,0
5	Canh Thuận	2.106	1.940	92,1
6	Canh Hòa	1.165	1.085	93,1
7	Canh Liên	2.208	1.884	85,3
XI	VĨNH THẠNH	17.511	14.806	84,6
1	Vĩnh Quang	2.476	2.106	85,1
2	Vĩnh Thịnh	2.998	2.644	88,2
3	Vĩnh Thuận	1.350	1.175	87,0
4	Vĩnh Hảo	1.205	1.030	85,5
5	Vĩnh Hoà	1.544	1.261	81,7
6	Vĩnh Sơn	2.112	1.705	80,7
7	Vĩnh Kim	2.041	1.743	85,4
8	Thị Trấn	1.651	1.430	86,6
9	Vĩnh Hiệp	2.134	1.712	80,2
TỔNG		286.153	250.415	87,5